TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 3 - 2021
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Châu Minh Tiếp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Lươl

2. Bà Trần Thị Lệ Hiếu

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Võ Ngân Tâm là Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Huỳnh Anh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 231/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Ấp 3, xã Thuận Hòa, huyện LM, tỉnh HG (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Ấp 3, xã Thuận Hòa, huyện LM, tỉnh HG (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị D tự nguyện kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Phú, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (nay là xã Long Phú, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang), được cấp giấy chứng nhận kết

hôn ngày 10/8/2007. Anh với chị D sống chung hạnh phúc đến tháng 8 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh Nguyễn Văn T trình bày: là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Anh T và chị D đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2020 đến nay. Nay anh Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh Q (giới tính: nam) sinh ngày 23/02/2009, hiện cháu Minh Q đang sống chung với anh T. Anh T yêu cầu nuôi con chung là cháu Minh Q, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn để tiến hành phiên họp, phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi được lời khai của bị đơn cũng như bị đơn không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ trình bày quan điểm: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T. Cho anh T và chị D được ly hôn; Về con chung: giao con chung là cháu Nguyễn Minh Q (giới tính: nam) sinh ngày 23/02/2009 cho anh T nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn anh Nguyễn Văn T phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp về ly hôn". Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2] Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhiều lần nhưng bị đơn Nguyễn Thị D vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án căn cứ 227, Điều 228 và Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn Nguyễn Thị D theo quy định pháp luật.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị D kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Anh T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, anh không còn tình cảm vợ chồng đối với chị D và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn.

Xét thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình. Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng nên giữa anh T và chị D thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được là do bất đồng quan điểm sống nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2020 đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng anh T và chị D, thì: Vợ chồng họ không còn sống chung với nhau nữa, mâu thuẫn bên trong của vợ chồng họ thì chính quyền địa phương không nắm rõ, chỉ thấy vợ chồng không còn sống chung một nhà, mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận người đó, không cùng nhau chia sẻ cuộc sống gia đình. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự, căn cứ vào kết quả xác minh tình trạng hôn nhân, có đủ cơ sở để kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị D thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng anh T và chị D không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của anh T, cho anh T và chị D được ly hôn.

[4] Về con chung: Anh T yêu cầu nuôi con chung là cháu Nguyễn Minh Q (giới tính: nam) sinh ngày 23/02/2009. Xét thấy từ khi anh T và chị D ly thân thì cháu Minh Q sống với anh T, được anh T chăm lo cho cháu đầy đủ. Hơn nữa, cháu Minh Q cũng có nguyện vọng muốn sống với cha là anh T. Vì vậy để đảm bảo cho cuộc sống của các cháu được ổn định, không làm xáo trộn cuộc sống hằng ngày của cháu nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Minh Q cho anh T nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm buộc đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị D.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn T được quyền tiếp tục nuôi con chung là cháu Nguyễn Minh Q (giới tính: nam) sinh ngày 23/02/2009, anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Chị Nguyễn Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu số 0001974 ngày 13/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/3/2021). Riêng bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi bị đơn cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h.Long Mỹ;
- Chi cục THADS h.Long Mỹ;
- UBND xã Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Minh Tiếp

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Anh **Trần Thị Lệ Hiếu** **Châu Minh Tiếp**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h.Long Mỹ;
- Chi cục THADS h.Long Mỹ;
- UBND xã Vĩnh Thuận Đông;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Châu Minh Tiếp

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Anh **Nguyễn Quốc Khương** **Châu Minh Tiếp**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
.....	**.....**
	Châu Minh Tiếp